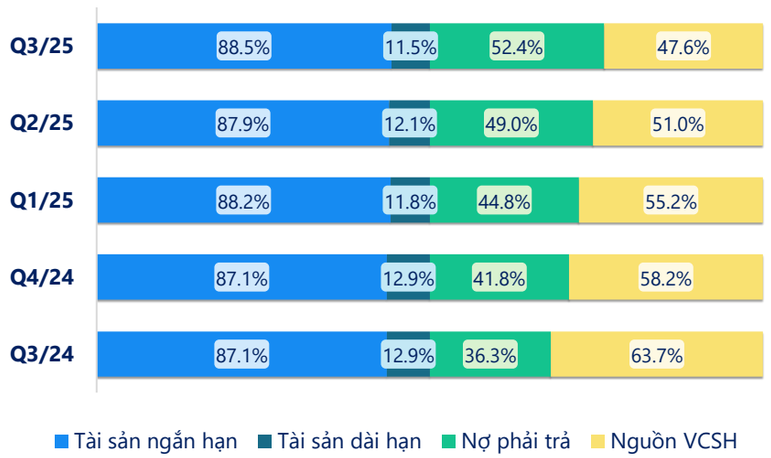
FireAnt

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,590
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,860
SL cổ phiếu LH	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,843,885
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,064
P/E	50.1
EPS	192

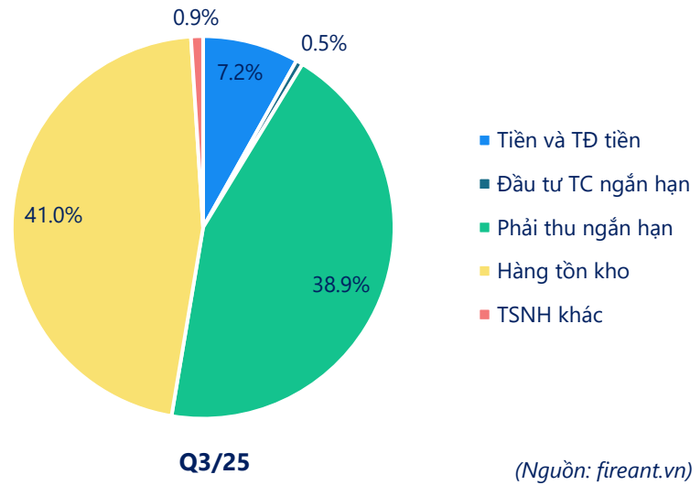
	YTD	1T	3T	6T
EVG	53.9%	-12.0%	58.5%	48.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



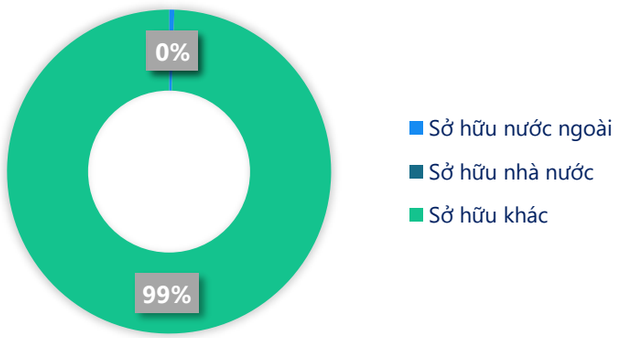
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



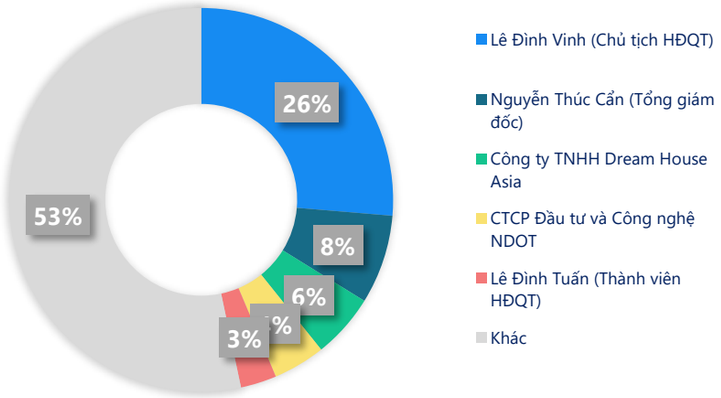
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



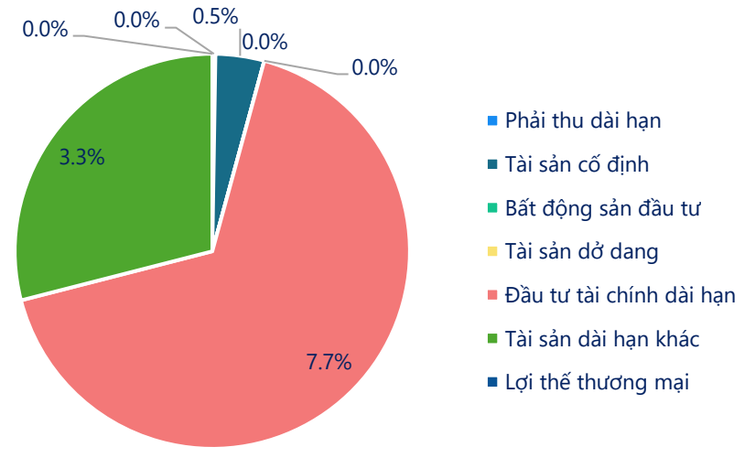
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

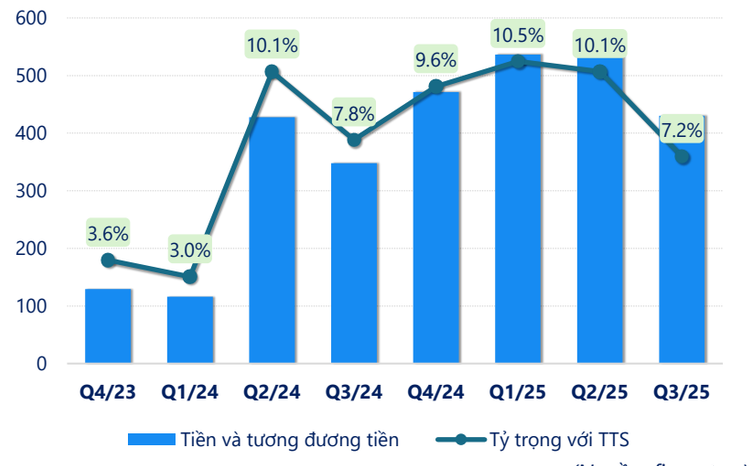


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

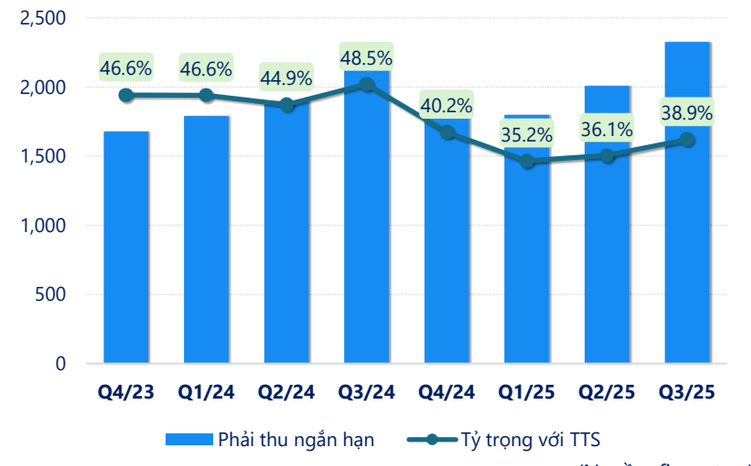
CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Tiền và tương đương tiền



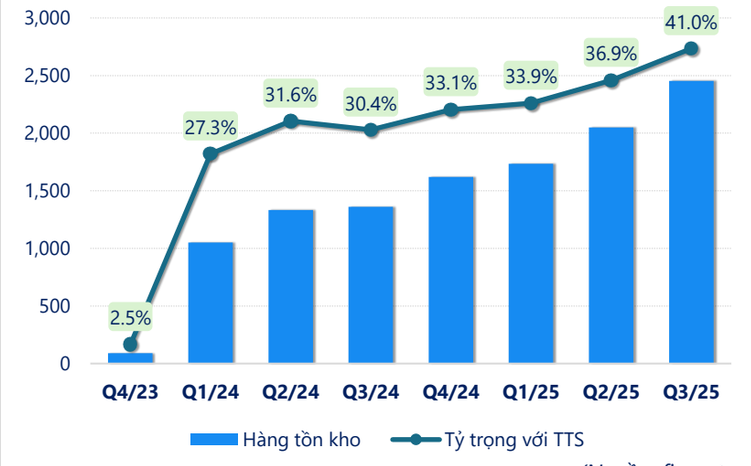
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



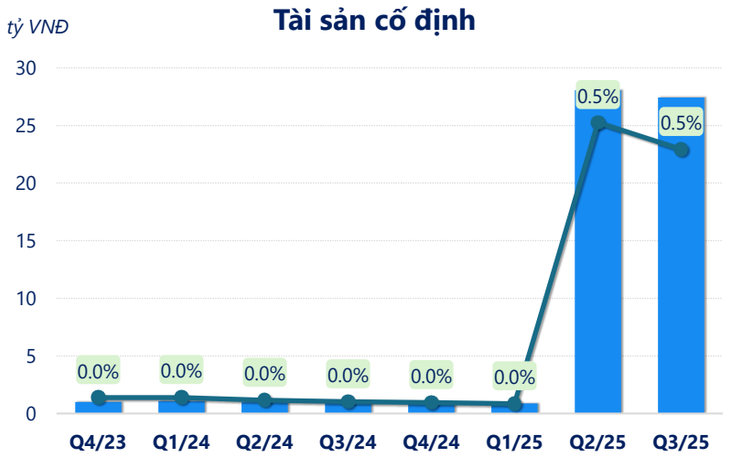
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



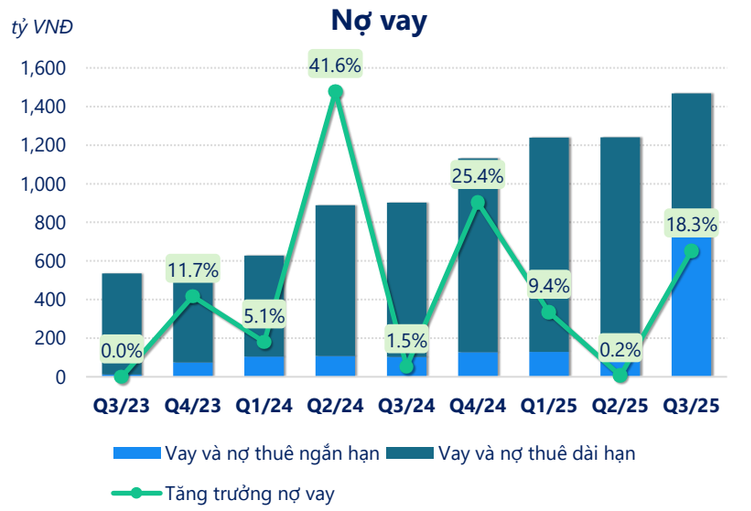
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



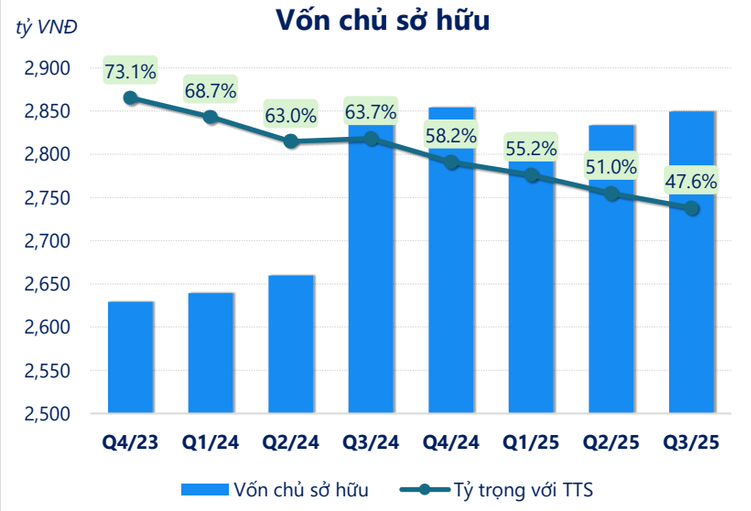
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

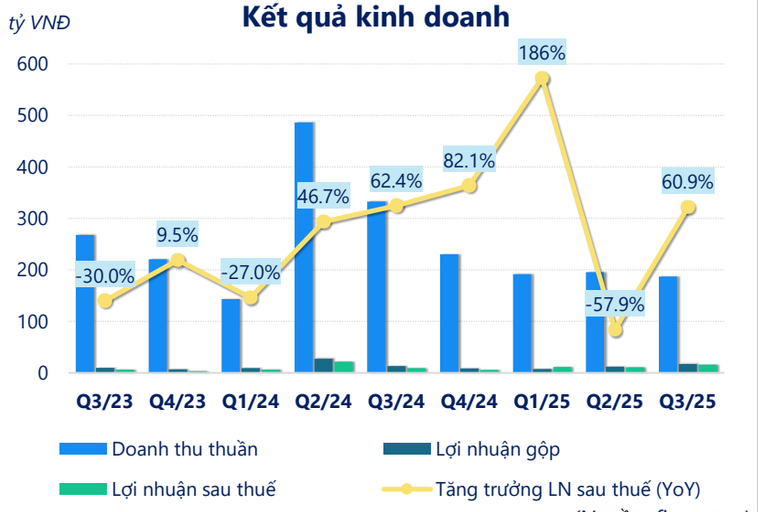


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

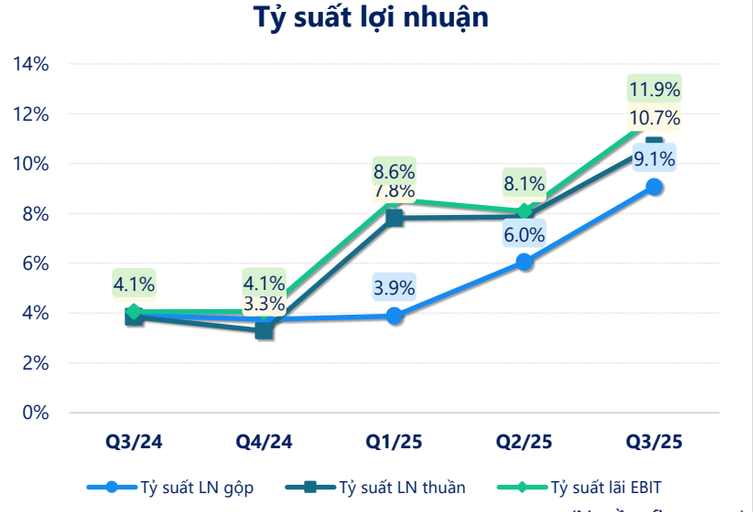
CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

Kết quả kinh doanh



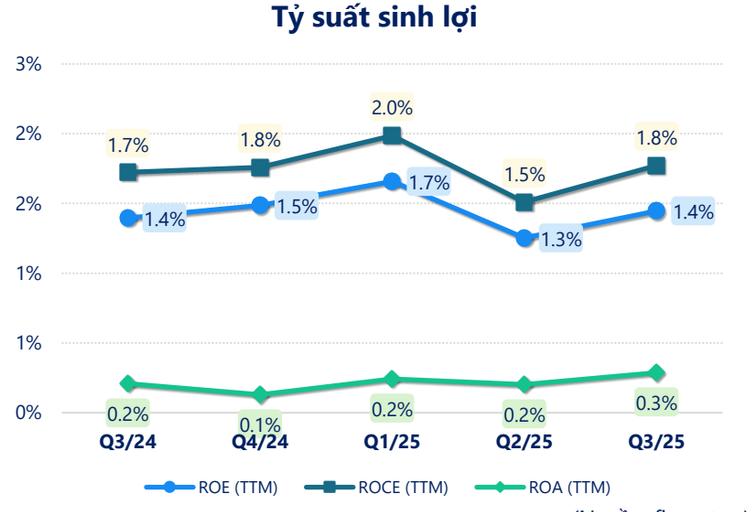
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



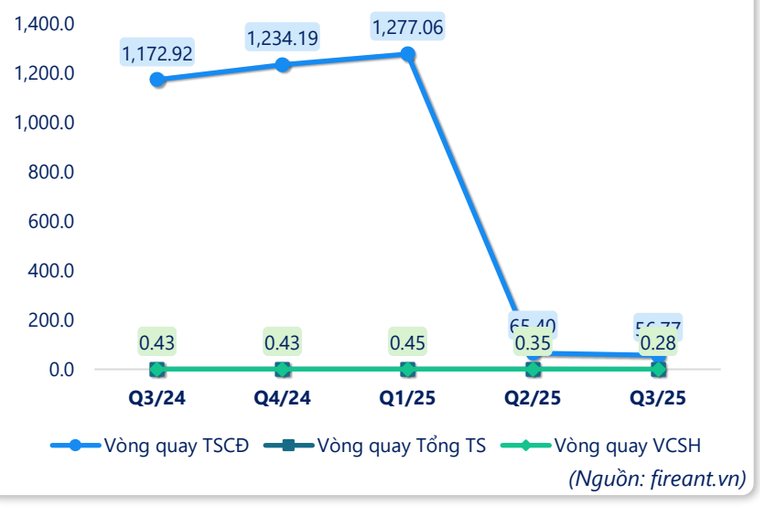
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



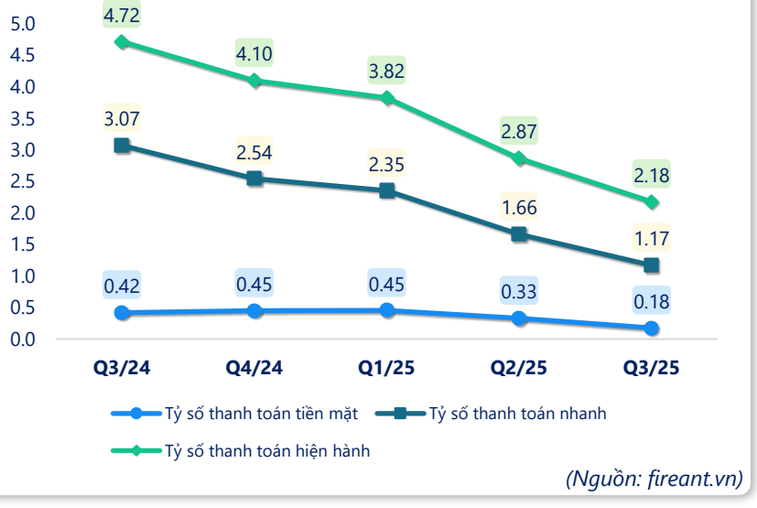
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



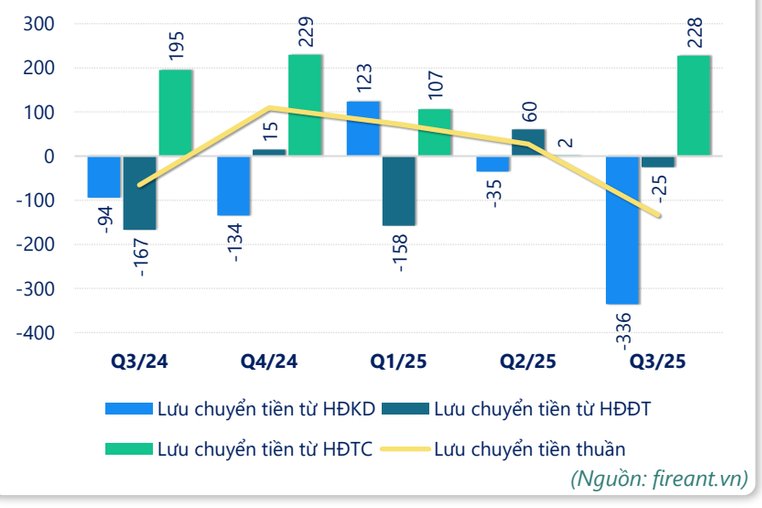
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,983**	**4,859**	**23.1%**
Tài sản ngắn hạn	5,295	4,228	25.2%
Tiền và tương đương tiền	430	464	-7.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.5	201	-84.8%
Phải thu ngắn hạn	2,327	2,021	15.1%
Hàng tồn kho	2,454	1,525	60.9%
Tài sản ngắn hạn khác	53.8	16.5	227%
Tài sản dài hạn	**688**	**631**	**9.1%**
Phải thu dài hạn	1.76	66.0	-97.3%
Tài sản cố định	27.4	0.93	2837%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	7.90	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**200**	**96.4**	**107%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,134	2,046	53.2%
Nợ ngắn hạn	**2,431**	**1,041**	**133%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	765	127	502%
Phải trả người bán ngắn hạn	448	221	103%
Nợ dài hạn	703	1,005	-30.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	703	1,005	-30.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,849**	**2,813**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,849**	**2,813**	**1.3%**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	332	230	192	195	187
Giá vốn hàng bán	319	221	184	184	170
Lợi nhuận gộp	13.0	8.62	7.45	11.8	17.0
Doanh thu HĐTC	5.16	4.53	12.7	9.34	8.58
Chi phí TC	1.96	1.86	1.93	2.00	2.07
Chi phí lãi vay	1.96	1.85	1.93	2.00	2.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.69	0.72	0.67	0.50	0.52
Chi phí QLDN	2.72	3.01	2.53	3.29	2.93
LN thuần từ HĐKD	12.8	7.57	15.0	15.4	20.1
Lợi nhuận khác	-1.29	-0.04	-0.52	-1.56	0.07
LN trước thuế	11.5	7.53	14.5	13.8	20.1
Lợi nhuận sau thuế	8.94	5.97	11.5	10.6	16.0
LNST của CĐ cty mẹ	8.21	5.50	10.9	9.85	15.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-93.9	-134	123	-35.4	-336
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-167	14.8	-158	60.2	-25.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	195	229	107	2.18	228
Tiền đầu kỳ	428	362	464	536	563
Lưu chuyển tiền thuần	**-65.9**	**110**	**72.2**	**27.0**	**-133**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	362	471	536	563	430

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic